TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày: 15/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RCom BL1

2. Ông Nông Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Anh Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22/5/1992; NĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Số H, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê N và bà Nguyễn Thị N1; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh P và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự. Cụ thể, ngày 22/9/2020 bị Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "trộm cắp tài sản"; Về nhân thân: Ngày 24/6/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Gia Lai xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" , đến ngày 07/12/2013 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Ngày 17/4/2015 bị Công an phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "đánh bạc trái phép", đã chấp hành xong; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến nay. Có mặt.

2. Tống Văn T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/4/1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở trước khi phạm tội: Số H, phường K, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Tống Văn C và bà Phạm Thị N, chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt

- Bị hại:

1. Cháu Rơ Châm Q; Sinh năm: 2005; Địa chỉ cư trú: Làng N, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Rơ Châm Q: Chị Rơ Châm Q1; Sinh năm: 1992; Địa chỉ cư trú: Làng N, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Rơ Châm Y; Sinh năm: 1995; Địa chỉ cư trú: Làng D, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Chị Rơ Châm N; Sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Làng D, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Anh Rơ Châm H; Sinh năm: 2002; Địa chỉ cư trú: Làng D, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Anh Rơ Châm C; Sinh năm: 1997; Địa chỉ cư trú: Làng D, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Ông Ksor L; Sinh năm: 1975; Địa chỉ cư trú: Làng N, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

7. Anh Ksor T; Sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Làng N, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

8. Bà Lê Thị L1; Sinh năm: 1959; Địa chỉ cư trú: Làng N, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Puih Djên – Công tác tại Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 8 năm 2021, bị cáo Lê Anh Đ đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ (không xác định được ngày) đầu tháng 8 năm 2021 bị cáo Lê Anh Đ một mình đi bộ đến nhà anh Rơ Châm Y tại làng D, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai, sau đó đi vào khu vực nhà bếp và phát hiện phòng ngủ không khóa cửa nên đi vào trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung J410, màu vàng, bị bể mặt trước. Đến trưa ngày hôm sau bị cáo Đ mang bán điện thoại trên cho bị cáo Tống Văn T được 800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số 70/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J410 màu vàng, mặt trước bể kính có giá 900.000 đồng.

Vụ thứ hai: 03 ngày sau vụ thứ nhất, khoảng 01 giờ (không xác định được ngày) vào tháng 8 năm 2021, bị cáo Lê Anh Đ tiếp tục đi bộ đến nhà chị Rơ Châm H'Nher cũng ở làng D, xã S, huyện G, sau đó đi vào trong nhà trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung J410, màu đen, bị bể mặt trước và bể mặt lưng phía sau. Đến trưa ngày hôm sau, bị cáo Đ bán cho bị cáo T được số tiền 700.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số 71/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định: 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Samsung J410 màu đen, mặt trước bể kính, mặt lưng phía sau bị bể có giá 500.000 đồng.

Vụ thứ ba: 03 ngày sau vụ thứ hai, khoảng 01 giờ (không xác định được ngày) vào tháng 8 năm 2021, bị cáo Lê Anh Đ tiếp tục một mình đi bộ đến nhà anh Rơ Châm H cũng ở làng D, xã S, huyện G, sau đó đi vào phòng ngủ trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo A12, màu đen, bị bể mặt lưng phía sau và tiếp tục đi ra phía sau vào phòng ngủ nhà anh Rơ Châm C trộm cắp tiếp 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu xanh. Đến trưa hôm sau, bị cáo Đ bán 01 điện thoại hiệu Oppo A12, màu đen, bị bể mặt lưng phía sau cho bị cáo T với giá 1.200.000 đồng và khoảng 2 ngày sau bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu xanh cho bị cáo T được 1.200.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số 72/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, loại A12, bể lưng phía sau có giá 900.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, loại A50 có giá 1.600.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 01 giờ ngày 12/8/2021, bị cáo Lê Anh Đ tiếp tục đi đến nhà của ông Ksor L ở làng N, xã S, huyện G), sau đó đến khu vực để xe ô tô của ông L mở cửa xe lấy đi một số giấy tờ cá nhân của ông L. Đến 9 giờ cùng ngày, bị cáo Đ thông qua số điện thoại của ông L có trên giấy tờ và gọi điện thoại cho ông L nói có nhặt được một số giấy tờ tùy thân của ông L nên muốn trả lại, nhưng hiện thiếu tiền trả tiền nhà nên xin ông L cho 1.600.000 đồng. Ông L không đồng ý nhưng nói sau khi đem giấy tờ đến thì mới chuyển tiền cho. Bị cáo Đ nói với ông L là nhà ở huyện Chư Sê nên không thể đi đến được và để gửi người chuyển giấy tờ đến. Đến khoảng 15 giờ ngày 13/8/2021, bị cáo Đ giả làm Shipper (người giao hàng) đến giao giấy tờ cho ông L. Đến ngày 14/8/2021, ông L tự nguyện chuyển vào tài khoản Ngân hàng cho bị cáo Đ số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ ngày 15/8/2021, ông L điện thoại mời bị cáo Đ đến nhà uống rượu, bị cáo Đ đồng ý và rủ thêm bạn tên Thanh (chưa rõ nhân thân) đến nhà ông L uống rượu. Tại nhà ông L, nhậu được một lúc thì bị cáo Đ say và lên phòng khách ngủ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ tỉnh dậy chỉ thấy mỗi ông L đang ngủ, Thanh đã về trước nên đi xuống nhà bếp và trộm cắp 01 điện thoại Iphone X màu trắng bỏ vào túi rồi đi bộ về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, xác định: 01 điện thoại Iphone X màu trắng có giá 6.500.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 01 giờ ngày 17/8/2021, bị cáo Lê Anh Đ tiếp tục đi bộ đến khu vực sân bóng đá của nhà ông L, thấy cửa chính nhà không khóa nên đi vào phát phòng ngủ trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu xanh và số tiền 204.000 đồng. Bị cáo Đ giữ lại điện thoại trên để sử dụng, còn tiền thì tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số 59/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, xác định: 01 điện thoại di động Masstel màu xanh có giá 150.000 đồng.

Vụ thứ 6: Vào khoảng 03 giờ ngày 19/8/2021, bị cáo Lê Anh Đ một mình đi bộ đến nhà anh Ksor T ở làng N, xã S, huyện G, thấy cửa chính không khóa nên đi vào phòng khách trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57, màu hồng của cháu Rơ Châm Q và tiếp tục đi vào phòng ngủ trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Vsmart Ative 1, màu trắng của anh Ksor T, sau đó mang bán cho bị cáo T điện thoại Vsmart Ative 1, màu trắng với giá 1.100.000 đồng, 01 điện thoại Oppo A57, màu hồng với giá 700.000 đồng, số tiền bán điện thoại được Đ tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số 73/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu trắng, loại Ative 1 có giá 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng loại A57 có giá 1.000.000 đồng.

Ngoài các lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Lê Anh Đ còn thực hiện hành lừa đáo chiếm đoạt cắp tài sản như sau: Khoảng 15 giờ ngày 16/8/2021, bị cáo Đ lấy sim điện thoại của ông L đã lắp vào điện thoại của mình và tìm thấy trong danh bạ có người tên là cô L1 (tên đầy đủ là Lê Thị L1 ở làng N, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai). Bị cáo Đ nảy sinh ý định lửa đảo nên dùng sim điện thoại của ông L và giả giọng của ông L gọi điện thoại cho bà L1 nói cho mượn 10.000.000 đồng, bà L1 thấy số điện thoại của ông L nên tin tưởng nói chỉ còn có 3.000.000 đồng thôi, bị cáo Đ nói để cho đứa cháu qua lấy. Sau đó, bị cáo Đ lấy số điện thoại của mình gọi điện cho bà L1 và tự xưng là cháu của ông L đến để lấy tiền cho ông L nhưng bà L1 không tin nên bị cáo Đ liền dùng số điện thoại của ông L gọi lại cho bà L1 nói là có đứa cháu vừa mới điện thoại đến lấy tiền hộ thì bà L1 đồng ý. Bị cáo Đ gọi điện thoại lại cho bà L1 hỏi địa chỉ rồi sau đó đến nhà bà L1 lấy số tiền 3.000.000 đồng rồi đi về nhà, sau đó đã tiêu xài hết số tiền trên.

Bị cáo Tống Văn T thực hiện hành vi phạm tội như sau: Bị cáo Tống Văn T là người làm nghề sửa chữa, mua bán điện thoại cũ nên đăng bài mua bán điện thoại cũ trên mạng xã hội Facebook. Trong tháng 8/2021, bị cáo Lê Anh Đ nhiều lần liên lạc qua số điện thoại của bị cáo T đăng trên mạng xã hội nói bị cáo Đ thường đi thu mua điện thoại cũ tại các làng đồng bào nên bị cáo T đã tin tưởng mua lại các điện thoại của bị cáo Đ để mang về sữa chữa để bán lại. Những lần mua bán thì hầu hết là bị cáo T mua điện thoại cũ, không bị khóa màn hình hoặc bị hư hỏng nhẹ do bị cáo Đ bán nên bị cáo T không hỏi về nguồn gốc của những chiếc điện thoại này. Tuy nhiên, chỉ có 01 lần vào khoảng 20 giờ ngày 15/8/2021, bị cáo Đ gọi điện cho bị cáo T hỏi Iphone X quên mật khẩu màn hình và tài khoản thì mua được bao nhiêu, bị cáo T nói mua 2.000.000 đồng. Bị cáo Đ đồng ý bán và nói bị cáo T lên gần số nhà H, thành phố P để mua. Bị cáo T điều khiển xe mô tô chở theo bạn là chị Hà Thị H2 đến gặp Đ để mua điện thoại. Khi đến nơi, bị cáo T xuống xe gặp bị cáo Đ, còn chị H2 vẫn ngồi trên xe. Bị cáo T xem máy điện thoại thì bị cáo Đ mới nói chiếc điện thoại này là do bị cáo Đ trộm cắp được, điện thoại có mật khẩu, bị khóa. Bị cáo T vẫn đồng ý mua và chuyển khoản cho bị cáo Đ số tiền 2.000.000 đồng rồi lấy điện thoại đi về. Sau đó, bị cáo T mang chiếc điện thoại này bán lại cho anh Đỗ Thành Đ1 với giá 3.500.000 đồng và

không nói gì về việc điện thoại do trộm cắp mà có. Bị cáo T biết chiếc điện thoại do trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn đồng ý mua để tiêu thụ, bán kiếm lời.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 15/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Lê Anh Đ về các tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Tống Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh Đ từ 18 -22 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh Đ từ 08 – 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền đối với bị cáo; áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp nhình phạt đối với bị cáo Lê Anh Đ; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tống Văn T từ 06 - 08 tháng tù cho hưởng án treo, không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là cháu Rơ Châm Q, anh Rơ Châm Y, chị Rơ Châm N, anh Rơ Châm H, anh Rơ Châm C, ông Ksor L, anh Ksor T đều đã được nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, bị cáo Tống Văn T cũng không yêu cầu bị cáo Lê Anh Đ trả lại số tiền đã mua điện thoại nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Anh Đ phải trả lại cho bà Lê Thị L1 số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ Q điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại tài sản gồm 01 điện thoại di động hiệu Samsung J410, màu vàng, bị bể mặt trước, 01 điện thoại di động Samsung J410, màu đen, bị bể mặt trước và mặt sau, 01 điện thoại di động Oppo A12, màu đen, bị bể mặt lưng phía sau, 01 điện thoại di động Samsung A50, màu xanh, 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng, 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu hồng, 01 điện thoại di động hiệu hiệu Vsmart Ative 1 là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1010 màu đen, IMEI 357698104769427 (đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong) là tài sản của bị cáo Lê Anh Đ dùng vào việc phạm tội và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno 5 màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong) là tài sản của bị cáo Tống Văn T dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước; Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81D1-117.42, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, số khung 0610HY544863, số máy G3D4E 568387 (đã qua sử dụng) là phương tiện bị cáo Tống Văn T sử dụng để đi lại hàng ngày, trong đó có việc đi mua điện thoại của bị cáo Đ. Tuy nhiên, chỉ sau khi đến mua mới biết điện thoại Iphone X của Đ bán là do trộm cắp mà có, đây không phải là phương tiện bị cáo dùng vào mục đích phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo; Đối với số tiền 7.700.000 đồng là

tiền bị cáo Lê Anh Đ thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đều công nhận đã thực hiện các hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu, cụ thể như sau:

Trong tháng 8 năm 2021, bị cáo Lê Anh Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 06 lần, chiếm đoạt được tài sản là 08 chiếc điện thoại di động, trong đó 03 lần phạm tội với giá trị tài sản chiếm đoạt là trên 2.000.000 đồng, cụ thể: đầu tháng 8 năm 2021 trộm cắp của anh Rơ Châm Y 01 điện thoại di động hiệu Samsung J410, màu vàng, bị bể mặt trước có giá 900.000 đồng; ba ngày sau cũng trong tháng 8 năm 2021 trộm cắp của chị Rơ Châm H'Nher 01 điện thoại di động Samsung J410, màu đen, bị bể mặt trước và mặt sau có giá 500.000 đồng; ba ngày sau cũng trong tháng 8 năm 2021 trộm cắp 01 điện thoại di động Oppo A12, màu đen, bị bể mặt lưng phía sau của anh Rơ Châm H có giá 900.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung A50, màu xanh của anh Rơ Châm C có giá 1.600.000 đồng (tổng cộng là 2.500.000 đồng); ngày 12/8/2021 trộm cắp của anh Ksor L 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng có giá 6.500.000 đồng; ngày 17/8/2021 Lê Anh Đ tiếp tục trộm cắp của anh Ksor L 01 điện thoại di động Masstel màu xanh có giá 150.000 đồng cùng số tiền 204.000 đồng; ngày 19/8/2021 trộm cắp của anh Rơ Châm Q 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu hồng có giá 1.000.000 đồng và của anh Ksor T 01 điện thoại di động hiệu hiệu Vsmart Ative 1, màu trắng có giá 1.200.000 đồng (tổng cộng là 2.200.000 đồng). Tổng cộng giá trị tài sản mà bị cáo Lê Anh Đ trộm cắp 06 lần là 12.954.000 đồng, bán và thu lợi số tiền 7.700.000 đồng.

Ngày 16/8/2021 bị cáo Lê Anh Đ còn dùng thủ đoạn gian dối lấy số điện thoại của ông L gọi điện thoại cho bà Lê Thị L1 mượn tiền và lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2021, bị cáo Tống Văn T mua của bị cáo Đ 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng với giá 2.000.000 đồng (được định giá là 6.500.000 đồng), bị cáo không hứa hẹn từ trước nhưng khi biết chiếc điện thoại này do bị cáo Đ trộm cắp mà có đã ham rẻ nên vẫn đồng ý mua để tiêu thụ, bán kiếm lời.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Anh Đ và bị cáo Tống văn T đều là người đủ 18 tuổi, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Anh Đ đã phạm vào các tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Tống Văn T đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân

dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo theo các tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội.

[5] Đối với bị cáo Lê Anh Đ, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn xem xét bị cáo còn là người có nhân thân xấu do đã bị kết án tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt vẫn không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, tiếp tục có nhiều hành vi vi phạm pháp luật bị phát hiện, xử lý như: Bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép" và "Trộm cắp tài sản", đang bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đưa ra xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Điều đó cho thấy bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật, cần phải xử tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ dài theo đề nghị để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[6] Đối với bị cáo Tống Văn T, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã kịp thời tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả cho bị hại, tự giác ra đầu thú được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã tích cực phối hợp với Cơ Q điều tra trong việc làm rõ các lần phạm tội của bị cáo Lê Anh Đ và thu hồi tài sản để trả lại cho bị hại. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo được trực tiếp lao động cải tạo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn, hối cải, tự nguyện đầu thú và tích cực cung cấp thông tin cho Cơ Q điều tra trong việc phát hiện, xử lý tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là cháu Rơ Châm Q, anh Rơ Châm Y, chị Rơ Châm N, anh Rơ Châm H, anh Rơ Châm C, ông Ksor L, anh Ksor T đều đã được nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác, bị cáo Tống Văn T cũng không yêu cầu bị cáo Lê Anh Đ trả lại số tiền đã mua điện thoại nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Anh Đ phải trả lại cho bà Lê Thị L1 số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ Q điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại tài sản gồm 01 điện thoại di động hiệu Samsung J410, màu vàng, bị bể mặt trước, 01 điện thoại di động Samsung J410, màu đen, bị bể mặt trước và mặt sau, 01 điện thoại di động Oppo A12, màu đen, bị bể mặt lưng phía sau, 01 điện thoại di động Samsung A50, màu xanh, 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng, 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu hồng, 01 điện thoại di động hiệu hiệu Vsmart Ative 1 là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1010 màu đen, IMEI 357698104769427 (đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong) là tài sản của bị cáo Lê Anh Đ dùng vào việc phạm tội và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno 5 màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong) là tài sản của bị cáo Tống Văn T dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước; Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81D1-117.42, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, số khung 0610HY544863, số máy G3D4E 568387 (đã qua sử dụng) là phương tiện bị cáo Tống Văn T sử dụng để đi lại hàng ngày, trong đó có việc đi mua điện thoại của bị cáo Đ. Tuy nhiên, chỉ sau khi đến mua mới biết điện thoại Iphone X của Đ bán là do trộm cắp mà có, đây không phải là phương tiện bị cáo dùng vào mục đích phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo; Đối với số tiền 7.700.000 đồng là tiền bị cáo Lê Anh Đ thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Đối với anh Đỗ Thành Đ1 là người mua lại 01 điện thoại di động Iphone X của bị cáo Tống Văn T nhưng khi mua không biết điện thoại trên là do phạm tội mà có; Đối với chị Hà Thị H2 là bạn của bị cáo Tống Văn T và đi cùng xe với bị cáo T khi mua điện thoại di động Iphone X của bị cáo Đ nhưng chị H2i chỉ ngồi trên xe không biết gì liên Q đến việc mua bán và cũng không giúp sức gì. Do vậy, hành vi của anh Đ1 và chị H2 đều không cấu thành tội phạm và cũng không phải là đồng phạm với bị cáo T.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Anh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch; Bị cáo Tống Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Anh Đ phạm các tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bị cáo Tống Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Anh Đ phải chấp hành hình phạt chung của tội Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/8/2021).

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Anh Đ để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tống Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2022).

Giao bị cáo Tống Văn T về cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện P, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Tống Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 164, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Anh Đ phải trả lại cho bà Lê Thị L1 số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ Q thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia model TA-1010 màu đen, IMEI 357698104769427 (đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong); 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno 5 màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong);

Trả lại cho bị cáo Tống Văn T 01 xe mô tô biển kiểm soát 81D1-117.42, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc đen, số khung 0610HY544863, số máy G3D4E 568387 (đã qua sử dụng).

(Các vật chứng nói trên có đặc điểm như nội dung biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2022 giữa Cơ Q Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai).

Truy thu của bị cáo Lê Anh Đ số tiền 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Anh Đ và Tống Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; Buộc bị cáo Lê Anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người đại diện của bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2022). Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người đại diện của bị hại;
- UBND xã S, phường Y;
- TAND tỉnh Gia Lai; Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS,THADS;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính